

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Kính gửi: Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền về địa phương 2 cấp, phân quyền trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp Quy định chi tiết Quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư Pháp về việc Ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND xã Cam Lộ về việc phê duyệt phương án đấu giá QSD đất đối với 46 lô đất thuộc các công trình Xây dựng cơ sở hạ tầng thôn Cam Lộ Phường, xã Cam Nghĩa; Xây dựng cơ sở hạ tầng,



phân lô khu dân cư phía Tây đường vào thôn Phan Xá; Xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị từ đường Lê Lợi đến Dương Văn An (Giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cam Lộ về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 36 lô đất thuộc các công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân lô khu dân cư phía Tây đường vào thôn Phan Xá; Xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị từ đường Lê Lợi đến Dương Văn An (Giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cam Lộ về việc phê duyệt tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 36 lô đất thuộc các công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân lô khu dân cư phía Tây đường vào thôn Phan Xá; Xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị từ đường Lê Lợi đến Dương Văn An (Giai đoạn 2);

Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với nội dung sau:

### **1. Tên, địa chỉ của đơn vị được giao xử lý tài sản**

Tên đơn vị: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ.

Địa chỉ: Số 34 đường Tôn Thất Thuyết, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Mã số thuế: 3200393201.

### **2. Thông tin về tài sản**

Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất đối với 36 lô đất thuộc các công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân lô khu dân cư phía Tây đường vào thôn Phan Xá; Xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang đô thị từ đường Lê Lợi đến Dương Văn An (Giai đoạn 2), cụ thể như sau:

- Vị trí lô đất, diện tích, hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với đất, giá khởi điểm (Phụ lục kèm theo).

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn.

- Hình thức: Giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

### **3. Giá khởi điểm:**

Tổng giá khởi điểm của 36 lô đất: 33.547.536.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng)

### **4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá**

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản quy định tại Điều 33 và Phụ lục I, Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 31/12/2024 và các tiêu chí khác của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ (Có bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản kèm theo).

### 5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ đăng ký trong giờ hành chính từ ngày 14/5/2026 đến hết ngày 18/5/2026.
- Địa điểm nộp hồ sơ: Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ; địa chỉ: Số 34 đường Tôn Thất Thuyết, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Nộp hồ sơ trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường bưu chính; Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và CCCD/CC.
- Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.

### 6. Hồ sơ đăng ký gồm có:

- Đơn đăng ký tham gia.
- Hồ sơ pháp lý đăng ký hoạt động doanh nghiệp hành nghề đấu giá tài sản.
- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm.
- Phương án tổ chức đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Các tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức.

Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được biết và tham gia đăng ký./.

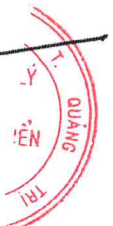
#### Nơi nhận:

- Công TTQG về ĐGTS;
- Công TTĐT UBND xã Cam Lộ;
- Lưu: VT.



**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Văn Luật**



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM  
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Kèm theo Thông báo số: **152** /TB-BQLDA ngày **13** / **5** /2026 của  
Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ)

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                              | MỨC TỐI ĐA         |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                             |                    |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                        | Đủ điều kiện       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                  | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                 | <b>19,0</b>        |
| 1.         | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                        | <b>10,0</b>        |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                           | 5,0                |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                  | 5,0                |
| 2.         | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                              | <b>5,0</b>         |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                            | 2,0                |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                            | 3,0                |
| 3.         | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, cập nhật thường xuyên<br>Đối với Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2,0                |
| 4.         | Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                      | 1,0                |
| 5.         | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                          | 1,0                |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                          | <b>16,0</b>        |
| 1.         | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                                                                                                                                                           | 4,0                |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0         |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0         |
| 2.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                                                                                                                         | <b>4,0</b>  |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                                       | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                       | 2,0         |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                | <b>4,0</b>  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>57,0</b> |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                         | <b>15,0</b> |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                            | 12,0        |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                     | 13,0        |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                     | 14,0        |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                      | 15,0        |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                         | <b>7,0</b>  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                              | 4,0         |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0         |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0         |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                | 7,0         |
| 3   | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | <b>7,0</b>  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0         |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5,0         |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6,0         |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7,0         |

N QU  
 DƯ  
 PHÁT  
 QUỸ

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4   | <p><b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</p> <p>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.</p> <p>Trường hợp tổng số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.</p>                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được chấm tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0 |
| 4.2 | <p>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:</p> <p>Số điểm của B = <math>(U*3)/Y</math></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |
| 4.3 | <p>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên:</p> <p>Số điểm của C = <math>(V*3)/Y</math></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |     |
| 5.  | <p><b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b></p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7,0 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7,0 |
| 6.  | <p><b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b></p> <p>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0 |
| 7   | <p><b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b></p> | 4,0 |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
| 7.1                 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0        |
| 7.2                 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0        |
| 7.3                 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0        |
| 8.                  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>5,0</b> |
| 8.1                 | Không có đấu giá viên hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        |
| 8.2                 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0        |
| 8.3                 | Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5,0        |
| 9.                  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí | <b>5,0</b> |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0        |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0        |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0        |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>8,0</b> |
| 1                   | Từ 01/01/2020 đến 31/12/2025 đã từng ký kết từ 15 hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá (cụ thể là Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ trước đây là Ban Quản lý dự án, Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Cam Lộ) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                  | 3,0        |
| 2.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0        |
| 3.                  | Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/4/2026 đã từng ký tối thiểu 01 hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá (cụ thể là Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất xã Cam Lộ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>100</b> |